TIỂU BANG VERMONT

TÒA THƯƠNG THẨM **Đơn vị**	**TÒA GIA ĐÌNH** **Số vụ việc**

Họ Tên Nguyên Cáo	Ngày sinh	với	Họ Tên Bị Cáo	Ngày sinh

TỜ KHAI HỮU THỆ VỀ TÀI CHÍNH
(400-813A)

Tôi là: ☐ Nguyên Cáo ☐ Bị Cáo ☐ Khác: _____

Họ tên					
Địa chỉ đường phố			*Địa chỉ gửi thư (nếu khác với Địa chỉ đường phố)*		
Thành phố/Thị xã	*Tiểu bang*	*Mã bưu chính*	*Thành phố/Thị xã*	*Tiểu bang*	*Mã bưu chính*
Số điện thoại (ban ngày)			*Số điện thoại (buổi tối)*		
Địa chỉ email					

HƯỚNG DẪN: Quý vị phải điền đầy đủ và nộp mẫu 813A nếu-

1. Quý vị là một bên trong vụ việc ly hôn, hủy bỏ kết hợp dân sự, ly thân hoặc hủy bỏ hôn nhân hợp pháp hoặc quyền làm cha mẹ mới nộp đơn; đồng thời quý vị và bên kia có con chung chưa thành niên; HOẶC
2. Quý vị hoặc bên kia đang tìm cách thay đổi một lệnh đã ban hành trước đó liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con hoặc cấp dưỡng cho vợ/chồng (cấp dưỡng); HOẶC
3. Quý vị là người phải nộp tiền cấp dưỡng và một đơn đề nghị cưỡng chế đã được nộp chống lại quý vị; HOẶC
4. Con quý vị đang thuộc quyền giám hộ của Cơ Quan Trẻ Em và Gia Đình và quý vị được yêu cầu gửi tiền cấp dưỡng; HOẶC
5. Tòa án yêu cầu quý vị điền đầy đủ và gửi mẫu này hoặc bên kia yêu cầu quý vị điền thông tin vào biểu mẫu trong quá trình tìm hiểu thông tin.

THỜI HẠN NỘP BIỂU MẪU: Mẫu này phải được nộp cho tòa án trước hoặc tại cuộc họp đầu tiên với người phụ trách vụ việc của quý vị. Nếu không có cuộc họp nào được lên lịch thì mẫu đơn này phải được nộp ít nhất bảy (7) ngày trước phiên tòa đầu tiên được lên lịch của quý vị.

QUÝ VỊ PHẢI GỬI BẢN SAO BIỂU MẪU ĐÃ ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN CHO BÊN KIA VÀO CÙNG THỜI ĐIỂM QUÝ VỊ NỘP CHO TÒA ÁN.

Khi quý vị đã hoàn thành biểu mẫu và điền tất cả các thông tin cần thiết, quý vị phải ký vào phần Xác Nhận bên dưới và công chứng chữ ký của quý vị.

XÁC NHẬN

Tôi đã đọc và điền đầy đủ mọi thông tin được yêu cầu.
Bằng văn bản này, tôi xác nhận, theo hiểu biết của bản thân tôi, rằng các dữ kiện và thông tin tài chính mà tôi đã trình bày là đúng sự thật và chính xác tính đến ngày lập Xác Nhận này và tôi không bỏ sót bất kỳ nguồn hoặc số tiền thu nhập hoặc thông tin nào khác được yêu cầu trên biểu mẫu này. Tôi hiểu rằng tôi có thể phải chịu tội khai man nếu cung cấp thông tin sai. Tôi cũng hiểu rằng nếu tôi không cung cấp thông tin cần thiết hoặc cung cấp thông tin sai lệch thì thẩm phán có thể ra lệnh trừng phạt đối với tôi.

_____
Chữ ký của người lập tờ khai hữu thệ

Tuyên thệ trước mặt tôi vào _____ _____ Ủy Nhiệm của tôi hết hạn vào: _____
Chữ ký của Công Chứng Viên

PHẦN I - THU NHẬP

TÊN và ĐỊA CHỈ của HÃNG SỞ	HÃNG SỞ THỨ 2

☐ Tôi tự kinh doanh (chủ sở hữu duy nhất, công ty hợp danh, d/b/a) dưới dạng _____

☐ Tôi hiện không đi làm vì _____

A. TỔNG THU NHẬP HẰNG THÁNG TỪ VIỆC LÀM - Thu nhập trước khi trừ bất kỳ khoản khấu trừ nào để nộp thuế hoặc phúc lợi theo phiếu lương. (Nếu thu nhập của quý vị trong năm có thay đổi, hãy tính thu nhập hằng năm của quý vị và chia cho 12 để có được thu nhập hằng tháng cho từng danh mục dưới đây.)

Để tính toán số tiền HẰNG THÁNG từ phiếu lương:

Nếu quý vị được trả lương theo tuần, hãy nhân tiền công trung bình hằng tuần với 4.333.
Nếu quý vị được trả lương hai tuần một lần, hãy nhân tiền công hai tuần với 2.165
Nếu quý vị được trả lương hai lần một tháng, hãy nhân số tiền trung bình nửa tháng với 2

ĐÍNH KÈM 4 PHIẾU LƯƠNG GẦN ĐÂY NHẤT.

1. TIỀN LƯƠNG HOẶC TIỀN CÔNG _____
   Tôi đã cộng cả tiền làm thêm giờ ☐ Có ☐ Không
2. TIỀN BOA, TIỀN HOA HỒNG, TIỀN THƯỞNG, TIỀN BẢN QUYỀN _____
3. THU NHẬP TỰ KINH DOANH _____
   (Hoàn thành Tờ Khai Tự Kinh Doanh trên trang 11 hoặc đính kèm PHỤ LỤC C IRS từ tờ khai thuế)
4. CHI PHÍ CÁ NHÂN ĐƯỢC HÃNG SỞ CHI TRẢ _____
   (ví dụ: trợ cấp điện thoại di động, xe hơi, trợ cấp nhà ở, bữa ăn, trợ cấp quân nhân)

Tổng Thu Nhập từ Việc Làm _____

B. CÁC NGUỒN THU NHẬP KHÁC (Nêu rõ số tiền hằng tháng)

1. THU NHẬP TỪ CHO THUÊ _____
   (Hoàn thành Tờ Khai Thu Nhập Từ Cho Thuê trên trang 10 hoặc đính kèm PHỤ LỤC E IRS từ tờ khai thuế)
2. HƯU TRÍ/LƯƠNG HƯU _____
3. TRỢ CẤP BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP _____
4. BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG và/hoặc BẢO HIỂM TÀN TẬT _____
5. TRỢ CẤP AN SINH XÃ HỘI (Ghi rõ loại _____) _____
6. TRỢ CẤP CỰU QUÂN NHÂN (VA) _____
7. THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI HOẶC CỔ TỨC _____
8. THU NHẬP TỪ QUỸ TÍN THÁC HOẶC NIÊN KIM _____
9. QUÀ TẶNG HOẶC GIẢI THƯỞNG (Bao gồm cả trúng số) _____
10. TIỀN CẤP DƯỠNG CHO VỢ/CHỒNG (Cấp dưỡng) _____
    (Từ bên kia trong vụ việc này)
11. TIỀN CẤP DƯỠNG CHO VỢ/CHỒNG (Cấp dưỡng) _____
    (Từ một người không phải là bên kia trong vụ việc này)
12. KHÁC: Vui lòng ghi rõ_____ _____
    (Ví dụ: lãi vốn)

Tổng Thu Nhập từ Nguồn Khác _____

TỔNG THU NHẬP HẰNG THÁNG

_____ (Việc làm và Nguồn khác)

PHẦN II - TRỢ CẤP CÔNG

QUÝ VỊ CÓ ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP CÔNG KHÔNG? ☐ Có ☐ Không

Nếu có, vui lòng đánh dấu vào tất cả các ô liên quan và ghi rõ số tiền, nếu có

☐ Reach Up, RUFA, TANF _____
☐ Dr. Dynasaur
☐ Trợ Cấp Nhiên Liệu_____
☐ Hỗ Trợ Chung _____
☐ Medicaid/Medicare
☐ Trợ Cấp Thực Phẩm_____
☐ SSI
☐ VHAP
☐ Trợ Cấp Nhà Ở

PHẦN III - THU NHẬP/CHI PHÍ của TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

"Trẻ Vị Thành Niên" có nghĩa là trẻ từ 18 tuổi trở xuống hoặc trẻ trên 18 tuổi nhưng vẫn đang học trung học.

A. LIỆT KÊ TẤT CẢ CON CHUNG CHƯA THÀNH NIÊN CỦA QUÝ VỊ VỚI BÊN KIA

HỌ TÊN	Ngày sinh	Nơi cư trú chính hiện tại

B. LIỆT KÊ TẤT CẢ TRẺ VỊ THÀNH NIÊN KHÁC MÀ QUÝ VỊ CẤP DƯỠNG

HỌ TÊN	Ngày sinh	Mối quan hệ với quý vị	Nơi cư trú chính hiện tại

C. LIỆT KÊ TẤT CẢ TRẺ EM MÀ QUÝ VỊ ĐƯỢC LỆNH NỘP TIỀN CẤP DƯỠNG NUÔI CON

HỌ TÊN	Số tiền theo lệnh tòa án	Số tiền đã trả	Tiểu Bang/Quận ban hành lệnh

D. BẢO HIỂM Y TẾ ĐƯỢC CUNG CẤP QUA VIỆC LÀM CỦA QUÝ VỊ:

Quý vị phải hoàn thành đoạn này nếu *quý vị nhận được loại bảo hiểm này qua công việc của mình, ngay cả khi con quý vị không được ghi danh.*
Kiểm tra với Bộ phận Nhân Sự hoặc Tiền Lương của quý vị để biết khoản đóng góp vào chi phí bảo hiểm từ tiền lương hằng tháng của quý vị.

TỔNG CHI PHÍ BẢO HIỂM Y TẾ DÀNH CHO GIA ĐÌNH HẰNG THÁNG CHO NHÂN VIÊN _____

TỔNG CHI PHÍ BẢO HIỂM DÀNH CHO HAI NGƯỜI HẰNG THÁNG CHO NHÂN VIÊN _____

TỔNG CHI PHÍ BẢO HIỂM CÁ NHÂN HẰNG THÁNG CHO NHÂN VIÊN _____

CON CHUNG TRONG VỤ VIỆC NÀY CÓ ĐƯỢC GHI DANH VÀO CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM CỦA QUÝ VỊ KHÔNG? ☐ **Có** ☐ **Không**

E. CHI PHÍ GIỮ TRẺ CHO CON CHUNG TRONG MỐI QUAN HỆ NÀY

(Nếu số tiền hằng tháng có thay đổi trong năm, hãy dùng tổng số tiền hằng năm chia cho 12)

TỔNG CHI PHÍ GIỮ TRẺ HẰNG THÁNG (trước trợ cấp) _____

TRỢ CẤP _____

CHI PHÍ XUẤT TÚI (Tổng chi phí trừ trợ cấp) _____

Chuyển chi phí xuất túi sang Trang 9, dòng 51.

F. CHI PHÍ BẤT THƯỜNG CỦA QUÝ VỊ DÀNH CHO CON CHUNG CỦA MỐI QUAN HỆ NÀY

	Loại chi phí	**Chi phí hằng tháng**
Chi phí y tế không được bảo hiểm của trẻ		
Chi phí giáo dục của trẻ		
Chi phí nhu cầu đặc biệt của trẻ		

G. THU NHẬP HẰNG THÁNG MÀ CON CHUNG TRONG MỐI QUAN HỆ NÀY NHẬN ĐƯỢC

NGUỒN THU NHẬP	**Họ tên Trẻ**	**Số tiền**
1. TRỢ CẤP KHUYẾT TẬT		
2. TRỢ CẤP AN SINH XÃ HỘI		
3. KHÁC		
Tên của Bố/Mẹ nhận trợ cấp cho trẻ: _____		

PHẦN IV - KHOẢN VAY VÀ NỢ

KHOẢN VAY

A. Khoản vay liên quan đến Nơi cư trú chính:

Loại Khoản vay	Bên cho vay	Dư nợ	Khoản thanh toán hằng tháng	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
1. Nơi cư trú chính				☐
2. Thế chấp mua nhà thứ 2				☐
3. Khoản vay mua nhà				☐
Tổng khoản vay nơi cư trú chính				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 7, Dòng 1

B. Các khoản vay Bất động sản khác - KHÔNG bao gồm các khoản vay kinh doanh hoặc cho thuê bất động sản

Mô tả Bất động sản	Bên cho vay	Dư nợ	Khoản thanh toán hằng tháng	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
				☐
				☐
Tổng bất động sản khác				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 8, Dòng 38

C. Khoản Vay Mua Xe

Loại phương tiện (Đời xe, Hãng sản xuất, Model)	Bên cho vay	Dư nợ	Khoản thanh toán hằng tháng	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
				☐
				☐
				☐
Tổng Khoản Vay Mua Xe				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 7, Dòng 14

D. Các Khoản Vay Khác

Loại Khoản vay	Bên cho vay	Dư nợ	Khoản thanh toán hằng tháng	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
Khoản Vay Cá Nhân				☐
Khoản Vay Học Đại Học/Cao Đẳng				☐
Khác				☐
Khác				☐
Tổng				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 8, Dòng 38

NỢ

A. Nợ Thẻ tín dụng

Chủ thẻ	Công ty	Dư nợ	Khoản thanh toán hằng tháng	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
				☐
				☐
				☐
				☐
				☐
				☐
Tổng				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 8, Dòng 43

B. Nợ khác (ví dụ: quyền cầm giữ thuế, hóa đơn bệnh viện, tài khoản phải thu)

Loại Nợ	Công ty/Tổ chức nợ	Số Dư Phải Thanh Toán	Khoản thanh toán hằng tháng nếu có	Đánh dấu vào đây nếu QUÝ VỊ đang là người trả khoản này
				☐
				☐
Tổng				☐

Chuyển Tổng khoản thanh toán hằng tháng sang Trang 8, Dòng 38

PHẦN V - CHI PHÍ

CHI PHÍ HẰNG THÁNG:
Liệt kê chi phí hằng tháng của quý vị. Với những chi phí không phải được thanh toán hằng tháng, hãy lấy số tiền hằng năm và chia cho 12. Nếu số tiền đã trả thay đổi từ tháng này sang tháng khác, hãy lấy số tiền hằng năm chia cho 12.

CHI PHÍ HỘ GIA ĐÌNH-	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khác chi trả	Tổng Chi Phí Hộ Gia Đình
1. Tiền Thuê Nhà hoặc Thế Chấp, bao gồm cả Các Khoản Vay Mua Nhà			
2. Thuế Nhà Đất			
3. Bảo Hiểm Chủ Nhà hoặc Người Thuê Nhà			
4. Điện			
5. Điện thoại (Điện thoại bàn và Di động)			
6. Nước			
7. Khí gas cho gia đình			
8. Dầu, Gỗ hoặc nhiên liệu khác không được liệt kê ở trên			
9. Cắt cỏ, xới đất, đổ rác			
10. Hàng tạp hóa			
11. Truyền hình cáp/Internet			
12. Giặt ủi/Giặt khô			
13. Bảo trì/sửa chữa			
TỔNG CHI PHÍ HỘ GIA ĐÌNH			

CHI PHÍ CHO PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khác chi trả	Tổng Chi Phí Hộ Gia Đình
14. Tổng Khoản Vay Mua Xe			
15. Bảo hiểm xe hơi			
16. Xăng			
17. Bảo trì/Sửa chữa			
18. Đăng kiểm			
TỔNG CHI PHÍ PHƯƠNG TIỆN			

CHI PHÍ BẢO HIỂM	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khác chi trả	Tổng Chi Phí Hộ Gia Đình
19. Bảo Hiểm Nhân Thọ			
20. Bảo Hiểm Tàn Tật			
21. Bảo Hiểm Y Tế			
22. Nha Khoa/Nhãn Khoa			
TỔNG CHI PHÍ BẢO HIỂM			

CHI PHÍ CÁ NHÂN CỦA QUÝ VỊ	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khác chi trả	Tổng
23. Chi phí y tế không được bảo hiểm			
24. Quần áo/Giày dép			
25. Đồ vệ sinh/Mỹ phẩm			
26. Bữa ăn/Đồ ăn nhẹ bên ngoài			
27. Chăm sóc tóc			
28. Tạp chí, Báo, Sách, tài liệu đọc khác			
29. Sản phẩm thuốc lá và rượu			
30. Các chi phí cho bác sĩ thú y và thú cưng khác			
31. Giải trí (phim, chơi bowling, bảo tàng, v.v.)			
32. Quà tặng cho người khác			
33. Quyên góp từ thiện			
34. Nghỉ mát			
35. Phí nghiệp đoàn			
36. Đóng góp hằng tháng để tiết kiệm			
37. Đóng góp hằng tháng vào Quỹ Hưu Trí (401K, IRA, v.v.)			
38. Thanh toán hằng tháng cho các khoản vay & nợ *(không bao gồm các khoản cho vay mua nơi cư trú chính, thẻ tín dụng hoặc khoản vay mua xe)*			
39. Chi phí cho Trẻ em sống chung với quý vị nhưng không phải là con chung từ mối quan hệ này			
40. Tiền Cấp Dưỡng Nuôi Con quý vị phải trả cho con chung từ mối quan hệ khác do tòa án quy định.			
41. Tiền Cấp Dưỡng Cho Vợ Chồng (Cấp dưỡng) quý vị phải trả do tòa án quy định			
42. Các chi phí khác (vui lòng liệt kê trên một trang riêng và điền tổng số vào đây)			
TỔNG CHI PHÍ CÁ NHÂN			
NỢ THẺ TÍN DỤNG	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khácchi trả	Tổng
43. **TỔNG khoản thanh toán hằng tháng cho Thẻ tín dụng**			
	Số tiền do quý vị chi trả	Số tiền do người khác chi trả	Tổng
TỔNG Chi Phí Hộ Gia Đình, Phương Tiện, Bảo Hiểm, Chi Phí Cá Nhân và Thanh Toán Thẻ Tín Dụng			

KHOẢN THANH TOÁN THUẾ THU NHẬP

THUẾ KHẤU LƯU TỪ BẢNG LƯƠNG HẰNG THÁNG HOẶC ƯỚC TÍNH	
44. LIÊN BANG	
45. FICA	
46. MEDICARE	

47. TIỂU BANG VERMONT	
48. CÁC LOẠI THUẾ KHẤU LƯU/ĐÃ TRẢ KHÁC	

CHI PHÍ CỦA TRẺ

CHI PHÍ HẰNG THÁNG CHO CON CHUNG TỪ MỐI QUAN HỆ NÀY DO QUÝ VỊ CHI TRẢ	
49. Quần áo và Giày dép	
50. Tã bỉm	
51. Chi Phí Giữ Trẻ Xuất Túi liên quan đến việc làm của quý vị (bao gồm cả việc giữ trẻ để tham gia hoạt động đào tạo liên quan đến việc làm)	
52. Bữa trưa ở trường	
53. Đồ dùng học tập	
54. Phí/chi phí cho các hoạt động đặc biệt (ví dụ: học piano, thể thao)	
55. Trại hè	
56. Học phí trường tư thục	
57. Chi phí y tế/nha khoa không được bảo hiểm	
58. Tiền Cấp Dưỡng Nuôi Con quý vị chi trả cho con chung từ mối quan hệ này	
59. Khác: Vui lòng liệt kê bên dưới.	
Mục khác 1	
Mục khác 2	
Mục khác 3	
Mục khác 4	
TỔNG CHI PHÍ HẰNG THÁNG CHO TRẺ	

TỜ KHAI THU NHẬP TỪ CHO THUÊ (Phụ lục E) A.

TIỀN THUÊ NHẬN ĐƯỢC HẰNG NĂM | | Dòng A

B. CHI PHÍ THUÊ HẰNG NĂM

1. Vệ sinh và Bảo trì		
2. Tiền hoa hồng		
3. Bảo hiểm		
4. Phí tư vấn pháp lý và chuyên môn khác		
5. Lãi thế chấp trả cho ngân hàng		
6. Tiền lãi khác		
7. Sửa chữa		
8. Vật tư		
9. Thuế		
10. Dịch vụ tiện ích		
11. Tiền công và Tiền lương		
12. Khác (vui lòng liệt kê)	a ._____	
	b. ._____	
	c. ._____	
	d. ._____	
13. Chi phí khấu hao		
TỔNG CHI PHÍ HẰNG NĂM (Cộng Dòng 1 đến 13)		**Dòng B**
TỔNG THU NHẬP HẰNG NĂM (Dòng A trừ Dòng B)		**Dòng C**
TỔNG THU NHẬP HẰNG THÁNG (Dòng C chia 12)		

Nhập số tiền này vào Trang 2, B. Dòng 1, Phần I) của Mẫu 813A

A. CÁC KHOẢN THU HOẶC BÁN HÀNG HẰNG THÁNG

B. CHI PHÍ KINH DOANH HẰNG THÁNG

1. Giá vốn hàng bán và/hoặc hoạt động kinh doanh		14. Chi phí & Vật tư văn phòng	
2. Quảng cáo		15. Giặt ủi & Vệ sinh	
3. Nợ khó đòi từ bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ		16. Hưu trí và/hoặc kế hoạch chia sẻ lợi nhuận	
4. Chi phí ô tô: Xăng Bảo hiểm Bảo dưỡng Đăng kiểm		17. Cho thuê bất động sản kinh doanh cho thuê	
		18. Máy móc hoặc Thiết bị	
		19. Bất động sản kinh doanh khác	
5. Tiền hoa hồng		20. Sửa chữa	
6. Chi phí tiêu hao		21. Vật tư	
7. Khấu hao		22. Thuế	
8. Phí & Lệ phí phát hành		23. Đi công tác	
9. Chương trình Phúc Lợi Nhân Viên		24. Bữa ăn & Giải trí	
10. Bảo hiểm *(ngoài Y tế) (Ghi rõ)* a.		25. Dịch vụ tiện ích & Điện thoại	
b.		26. Tiền lương	
11. Lãi thế chấp *(trả cho ngân hàng)*		27. Khác *(Liệt kê & Ghi rõ)* a.	
12. Khoản thanh toán tiền lãi khác *(Ghi rõ)*		b.	
		c.	
13. Dịch vụ pháp lý và chuyên môn		d.	
		e.	
		f.	
		g.	
		TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH HẰNG THÁNG (Cộng Dòng 1 đến 27)	
		THU NHẬP KINH DOANH RÒNG HẰNG THÁNG (Tổng doanh thu/bán hàng trừ đi Chi phí)	

Nhập số tiền này vào Trang 2 A Dòng 3 (Phần I) Mẫu 813A